

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2018

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị N chung sống với nhau vào năm 1991, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2002, bà N đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu bà Nết có về nhà sau đó không về và ông nghe nói bà N chung sống với người đàn ông khác, ông bà sống ly thân từ năm 2006 cho đến nay và cả hai đều không có thiện chí hàn gắn gia đình nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 02 người con tên Đỗ Anh H1, sinh năm 1993 và Đỗ Anh H2, sinh năm 1997. Hiện tất cả đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15-3-2018, bị đơn bà Hồ Thị N trình bày: Về hôn nhân bà thống nhất lời trình bày của ông H. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, do bà đi làm xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng lờ lạt nên ông bà sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

Về con chung: Có 02 người con chung như ông H trình bày. Các con đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Hồ Thị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Đỗ Văn H và bà Hồ Thị N là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Mặc dù ông H và bà N có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà N.

[3] Về con chung: Đỗ Anh H1, sinh năm 1993 và Đỗ Anh H2, sinh năm 1997. Xét thấy hiện hai người con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông H phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không công nhận ông Đỗ Văn H và bà Hồ Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 người tên Đỗ Anh H1, sinh năm 1993 và Đỗ Anh H2, sinh năm 1997. Hiện hai người con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0013173 ngày 12-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vui